

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2020/DS-ST
Ngày: 30-9-2020
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Thông

2/ Ông Nguyễn Quốc Sử

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 76/2020/TLST- DS ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXXST-DS ngày 03/9/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-DS ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: Số 89 LH, quận Đ Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1983, chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ-VPBank AMC; trú tại: Tầng 4, 112 Phan Châu Trinh, quận H, thành phố Đà Nẵng, theo văn bản ủy quyền số 03/2020/UQ-VPB ngày 26/02/2020 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Bùi Duy T, sinh năm 1977; trú tại: Khối phố 7, phường An M, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

Bà Trần Thị Xuân A, sinh năm 1979; trú tại: Khối phố 5, phường An S, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Đại diện nguyên đơn theo ủy quyền ông Bùi Văn T trình bày:

Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng)-chi nhánh Quảng Nam đã cho ông Bùi

Duy T và bà Trần Thị Xuân A vay vốn theo hợp đồng tín dụng hạn mức số LN1710240288507/QNM/HĐTD ngày 28/10/2017; với số tiền 740.000.000 đồng; mục đích vay vốn: bổ sung vốn kinh doanh cà phê, giải khát; trả nợ lãi định kỳ mỗi tháng một lần vào ngày 15 hàng tháng, nợ gốc trả cuối kỳ. Lãi trong hạn 11%/năm, lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay là 12 tháng.

+ Tài sản bảo đảm cho khoản vay là Quyền sử dụng đất của thửa đất số 30, tờ bản đồ số 26 thuộc phường An S, thành phố T, Quảng Nam đã được UBND thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB330106 ngày 16/4/2010 cùng tài sản gắn liền trên đất theo hợp đồng thế chấp số LN1710240288507/QNM/HĐTC ngày 27/10/2017.

Quá trình vay ông T, bà A vi phạm nghĩa vụ trả nợ và hiện tại đã quá thời hạn thanh toán nợ vay nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T và bà A phải trả cho Ngân hàng số nợ gốc còn lại là 638.406.099 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/9/2020 là 144.429.145 đồng; ông T, bà A trả lãi suất tiếp theo theo hợp đồng vay cho đến khi thanh toán xong nợ. Trong trường hợp vợ chồng ông T không thanh toán được nợ, Ngân hàng thì đề nghị phát mãi tài sản hợp pháp của vợ chồng ông T và bà A để thu hồi nợ.

- Bị đơn ông Bùi Duy T và bà Trần Thị Xuân A trình bày: Ông, bà có ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng TMCP V theo hợp đồng tín dụng hạn mức số LN1710240288507/QNM/HĐTD ngày 28/10/2017 với số tiền 740.000.000 đồng; mục đích vay vốn: bổ sung vốn kinh doanh cà phê, giải khát; trả nợ lãi định kỳ mỗi tháng một lần vào ngày 15 hàng tháng, nợ gốc trả cuối kỳ. Lãi trong hạn 11%/năm, lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay là 12 tháng. Để bảo đảm cho khoản vay ông, bà đã thế chấp Quyền sử dụng đất của thửa đất số 30, tờ bản đồ số 26 đã được UBND thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB330106 ngày 16/4/2010 cùng tài sản gắn liền trên đất thuộc phường An S, thành phố T, Quảng Nam. Trong quá trình vay vốn, ông bà đã trả được 100.000.000 gốc, nay số tiền nợ còn lại ông bà đề nghị trả khoản nợ gốc còn lại chia ra làm 4 đợt, tiền lãi ông bà đề nghị giảm lãi vì thực tế hiện tại điều kiện làm ăn kinh tế ông, bà quá khó khăn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Bị đơn ông Bùi Duy T và bà Trần Thị Xuân A vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào Điều 227, 228 BLTTDS năm 2015 xét xử theo luật định. Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần V khởi kiện ông Bùi Duy T và bà Trần Thị Xuân A yêu cầu thanh toán khoản tiền vay còn nợ, căn cứ vào Điều 1 và Điều 8

hợp đồng tín dụng LN1710240288507/QNM/HĐTD ngày 28/10/2017 các bên đã thỏa thuận, nếu bên vay vi phạm bất kỳ thỏa thuận nào trong hợp đồng thì Ngân hàng được toàn quyền quyết định chuyển toàn bộ dư nợ của bên vay sang nợ quá hạn và áp dụng mọi biện pháp cần thiết để thu hồi nợ; do ông T, bà A vi phạm cam kết trả nợ và thời hạn vay đã hết, căn cứ vào Điều 35 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự, Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo luật định.

2. Về nội dung: Hợp đồng tín dụng số LN1710240288507/QNM/HĐTD ngày 28/10/2017 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và ông Bùi Duy T và bà Trần Thị Xuân A đã ký kết với số tiền vay là 740.000.000đồng; lãi suất trong hạn 11,0%/năm cố định trong 03 tháng đầu, lãi suất vay còn lại điều chỉnh định kỳ 3 tháng/1 lần theo; lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn; thời hạn vay là 12 tháng, tính từ ngày Ngân hàng giải ngân vào tài khoản vay. Theo thỏa thuận Ngân hàng đã chuyển khoản vào tài khoản vay của ông T, bà A và các bên đã xác nhận khế ước nhận nợ ngày 25/10/2018 với số tiền 400.000.000 đồng và khế ước nhận nợ ngày 27/10/2018 với số tiền 340.000.000 đồng. Nghĩa vụ trả nợ hai bên thỏa thuận trả lãi định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 hàng tháng và nợ gốc trả cuối kỳ. Do ông T, bà A vi phạm cam kết trả nợ nên theo quy định tại khoản 3 Điều 1, khoản 2 Điều 5 và khoản 1 Điều 8 hợp đồng tín dụng số ngày 28/10/2017, khế ước nhận nợ ngày 25/10/2018 và ngày 27/10/2018, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Bùi Duy T, bà Trần Thị Xuân A thanh toán toàn bộ khoản nợ còn lại là có cơ sở và đúng quy định pháp luật.

Để bảo đảm cho khoản vay, ông Bùi Duy T, bà Trần Thị Xuân A đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất của thửa đất số 30, tờ bản đồ số 26 đã được UBND thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB330106 ngày 16/4/2010 cùng tài sản gắn liền trên đất thuộc phường An S, thành phố T, Quảng Nam đứng tên ông Bùi Duy T, bà Trần Thị Xuân A; theo hợp đồng thế chấp số LN170240288507/QNM/HĐTC ngày 27/10/2017; hợp đồng thế chấp này đã được các bên thỏa thuận, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 27/10/2017 nên hợp pháp. Theo thỏa thuận tại Điều 1 và khoản 2 Điều 7 của hợp đồng “*Tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 330106*” và “*Khi xử lý tài sản thế chấp, bên thế chấp cam kết bàn giao vô điều kiện Tài sản thế chấp và mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với Tài sản thế chấp nêu tại khoản 1, Điều 1 của hợp đồng*”. Do đó, trong trường hợp ông T, bà A không thanh toán được nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là đúng quy định tại Điều 323, 299 BLDS năm 2015.

Quá trình tố tụng ông T, bà A thừa nhận nợ vay và đề nghị trả dần khoản nợ trên do điều kiện kinh tế hiện tại quá khó khăn nhưng Ngân hàng không đồng ý nên không có cơ sở xem xét chấp nhận. Do đó, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bên cho vay, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ông Bùi Duy T, bà Trần Thị Xuân A có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền còn nợ là 782.835.230 đồng, trong đó gốc là 638.406.085 đồng và lãi tính đến ngày 30/9/2020 là 144.429.145 đồng là đúng quy định tại điều 466, 468, 470 BLDS năm 2015.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Án phí DSST: Ông Bùi Duy T, bà Trần Thị Xuân A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Chi phí thẩm định: 700.000 đồng ông Bùi Duy T và bà Trần Thị Xuân A phải nộp, Ngân hàng TMCP V đã tạm ứng; ông T, bà A có nghĩa vụ phải hoàn trả lại cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 227, Điều 228 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng vào các Điều 320, Điều 323, Điều 463, 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Buộc ông Bùi Duy T, bà Trần Thị Xuân A có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng cộng số tiền vay còn nợ là 782.835.230 đồng, trong đó gốc là 638.406.085 đồng và lãi tính đến ngày 30/9/2020 là 144.429.145 đồng.

Ông Bùi Duy T, bà Trần Thị Xuân A tiếp tục trả lãi vay theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng số LN1710240288507/QNM/HĐTD ngày 28/10/2017 cho đến khi thanh toán xong.

Nếu ông Bùi Duy T, bà Trần Thị Xuân A không thanh toán toàn bộ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất của thửa đất số 30, tờ bản đồ số 26 đã được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB330106 ngày 16/4/2010 cùng tài sản gắn liền trên đất, thuộc phường An S, thành phố T, Quảng Nam đứng tên ông Bùi Duy T, bà Trần Thị Xuân A.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Bùi Duy T và bà Trần Thị Xuân A phải chịu 17.656.704 đồng.

Ông Bùi Duy T và bà Trần Thị Xuân A có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V 700.000 đồng chi phí thẩm định tài sản.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.829.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000599 ngày 19-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30-9-2020). Riêng những người vắng mặt thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Tam Kỳ;
- Tòa án tỉnh, VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

